

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/KDTM - ST
Ngày 22-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Vũ Văn Thôn;

2- Bà Trần Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2017/TLST- KDTM ngày 19/6/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1001/2017/QĐXXST- KDTM ngày 30/8/2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng V; địa chỉ: phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là LV);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn Đ, chức vụ phó giám đốc LV chi nhánh Hải Phòng (theo giấy ủy quyền số 928/2016/QĐ- LVHP ngày 02/11/2016);

Địa chỉ: đường Q, quận H, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T(gọi tắt là Công ty T);

Địa chỉ: Khu X, thị trấn L, huyện A, Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Vương T, chức vụ giám đốc Công ty TNHH T, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1- Ông Lê Trung T, sinh năm 1945;

2- Bà Bùi Thị S, sinh năm 1947;

Đều trú tại: Khu X, thị trấn L, huyện A, thành phố Hải Phòng, đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão của người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng V ông Hà Văn Đ trình bày:

Ngày 24/10/2013, Ngân hàng V, chi nhánh Hải Phòng và Công ty TNHH Tcó thỏa thuận giao kết hợp đồng hạn mức tín dụng số 50/HM/2013/360, theo đó phía ngân hàng đã cho Công ty T vay nợ với các kế ước nhận nợ sau:

- Khế ước số 44/HM/2012/360-KU16 nhận nợ ngày 16/08/2013, số tiền 104,000,000đ, thời hạn vay từ 16/08/2013 đến 17/02/2014, lãi suất vay 13%/năm;

- Khế ước số 44/HM/2012/360-KU17 nhận nợ ngày 14/09/2013, số tiền 76,850,000đ, thời hạn từ 14/09/2013 đến 14/03/2014, lãi suất vay 13%/năm;

- Khế ước số 44/HM/2012/360-KU18 nhận nợ ngày 15/10/2013, số tiền 85.000.000đ, thời hạn từ 15/10/2013 đến 15/4/2014, lãi suất vay 12,5%/năm;

- Khế ước số 44/HM/2012/360-KU19 nhận nợ ngày 17/10/2013, số tiền 79,000,000đ, thời hạn từ 17/10/2013 đến 17/04/2014, lãi suất vay 12,5%/năm;

- Khế ước số 50/HM/2013/360-KU01 nhận nợ ngày 24/10/2013, số tiền 126,.000,000đ, thời hạn từ 24/10/2013 đến 24/4/2014, lãi suất vay 12,5%/năm;

- Khế ước số 50/HM/2013/360-KU02 nhận nợ ngày 26/10/2013, số tiền 25,400,000đ, thời hạn từ 26/10/2013 đến 26/4/2014, lãi suất vay 12,5%/năm;

- Khế ước số 50/HM/2013/360-KU03 nhận nợ ngày 20/12/2013, số tiền 45,000,000đ, thời hạn từ 20/12/2013 đến 20/6/2014, lãi suất vay 13%/năm;

Tổng số tiền Ngân hàng cho Công ty T vay theo các khế ước trên là 541,250,000đ.

Tài sản bảo đảm cho khoản nợ là quyền sử dụng đất 111m², tại số thửa 01, tờ bản đồ 195-D-III, địa chỉ: Khu X, thị trấn L, huyện A, Hải Phòng và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH249335, vào sổ cấp GCN số CH00105/AL, 29/11/2011, cho người được quyền sử dụng là ông Lê Trung T và bà Bùi Thị S.

Trong quá trình vay nợ Công ty T đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã đòi Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhiều lần

nhưng không được công ty thực hiện. Tính đến ngày xét xử (ngày 22/9/2017) Công ty T còn nợ ngân hàng khoản nợ gốc 500,000,000đ (năm trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 17,773,586đ (mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 341,471,781đ (ba trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng), tổng nợ là 859,245,367đ (tám trăm năm chín triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng). Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng khoản tiền trên. Trong trường hợp Công ty T không thực hiện việc trả nợ đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản theo kết quả thẩm định tài sản ngày 04/8/2017 là quyền sử dụng đất thực tế là 85,4m², tại số thửa 01, tờ bản đồ 195-D-II, địa chỉ: Khu X, thị trấn L, huyện A, Hải Phòng và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ngôi nhà cấp bốn của ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S có diện tích là 95,2m². Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH249335, vào sổ cấp GCN số CH00105/AL, 29/11/2011, cho người được quyền sử dụng là ông Lê Trung T và bà Bùi Thị S

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Vương T đã được Tòa nhiều lần triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng đều vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S thống nhất với việc trình bày của người đại diện của nguyên đơn về việc dùng tài sản cá nhân ông Tôn, bà Sửu để thế chấp cho khoản vay của Công ty T như phía ngân hàng trình bày. Nay do Công ty T làm ăn khó khăn, ông Tôn, bà Sửu đề nghị ngân hàng cho trả dần khoản nợ. Đối với diện tích đất của gia đình ông Tôn, bà Sửu sử dụng thực tế hiện này là 85,4m², ông Tôn, bà Sửu không có khiếu nại, yêu cầu gì về diện tích đất của gia đình mình.

Tại biên bản thẩm định tài sản ngày 04/8/2017 xác định được cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S đang thực tế sử dụng đã thế chấp cho ngân hàng là 85,4m², trên đất có một nhà cấp bốn diện tích 95,2 m²,

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn LV có đơn khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng, Công ty T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, người đại diện của bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt là chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí: buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện.

Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lê Vương T, ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Vương T, ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S.

2- Về yêu cầu của LV:

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Ngày 24/10/2013, Ngân hàng V, chi nhánh Hải Phòng và Công ty T có thỏa thuận giao kết hợp đồng hạn mức tín dụng số 50/HM/2013/360, theo đó phía ngân hàng đã cho Công ty T vay nợ với các kế ước nhận nợ, có chữ ký xác nhận của ông Lê Vương T, giám đốc Công ty T, tổng số tiền vay nợ là 541,250,000đ (năm trăm bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất 111m², tại số thửa 01, tờ bản đồ 195D-III, địa chỉ: Khu X, thị trấn L, huyện A, Hải Phòng và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH249335, vào sổ cấp GCN số CH00105/AL, 29/11/2011, cho người được quyền sử dụng là ông Lê Trung T và bà Bùi Thị S.

Việc vay tiền dẫn đến tranh chấp, được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản là tiền Việt Nam đồng. Việc thỏa thuận vay nợ giữa Công ty T và LV chi nhánh Hải Phòng có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm đối với các bên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay có ghi *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Theo thỏa thuận của ngân hàng và Công ty T, ngày 25 hàng tháng Công ty T phải trả tiền lãi phát sinh cho phía ngân hàng; tháng 4 năm 2014 Công ty T phải thanh toán trả hết khoản nợ gốc cho phía ngân hàng. Phía Công

ty T đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ như thỏa thuận, chỉ trả được khoản nợ gốc là 41,250,000đ (bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) phía ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty T trả nợ, nhưng không được thực hiện. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của Công ty T. Vì vậy yêu cầu trả nợ của LV đối với Công ty T, với số tiền gốc còn lại 500,000,000đ (năm trăm triệu đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi suất, theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng có ghi:

“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Nên yêu cầu về thanh toán khoản lãi suất chậm trả, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 50/HM/2013/360, ngày 24/10/2013 với các kế ước nhận nợ giữa ngân hàng và Công ty T và lãi suất này tính đến ngày xét xử xác định đối với từng kế ước nhận nợ và lãi suất thỏa thuận tương ứng, xác định nợ lãi trong hạn là 17,773,586đ (mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 341,471,781đ (ba trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng) được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu phát mại đối với sản thế chấp của ngân hàng:

Việc thế chấp tài sản của ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 111m², tại số thửa 01, tờ bản đồ 195-D-III, địa chỉ: Khu X, thị trấn L, huyện A

Việc thế chấp này được thực hiện công khai, trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 11/4/2012. Nên đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 324; Điều 343; Điều 344 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên có nghĩa vụ ràng buộc đối với ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S về việc đòi trừ tài sản đối với nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ. Điều 355 của Bộ luật dân sự có quy định *“Trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 336 và Điều 338 của Bộ luật này”*; Điều 336 của Bộ luật dân sự năm 2005 có quy định *“Trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thỏa thuận thì tài sản cầm cố được xử lý theo phương thức do*

các bên đã thỏa thuận hoặc bán đấu giá theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ”. Trong vụ án này ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S đã ký thỏa thuận với phía ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm. Nên yêu cầu của ngân hàng về việc phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thực tế 85,4m², và tài sản trên đất là căn nhà cấp bốn 95,2m² trong trường hợp Công ty T không thanh toán được khoản nợ được Tòa án chấp nhận.

Về án phí:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ quy định tại các Điều 280, khoản 1 Điều 281, 290, 336, 338, 343, 344, 355 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V số tiền gốc là 500,000,000đ (năm trăm triệu đồng); khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 50/HM/2013/360, ngày 24/10/2013 với các kế ước nhận nợ, lãi suất trong hạn chưa thanh toán là 17,773,586đ (mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 341,471,781đ (ba trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng). Tổng số tiền Công ty TNHH T phải thanh toán trả Ngân hàng V là: 859,245,367đ (tám trăm năm chín triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Trong trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán được khoản nợ trên thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản là quyền sử dụng đất 85,4m² (tám mươi lăm phẩy bốn mét vuông), tại số thửa 01, tờ bản đồ 195-D-III, địa chỉ: Khu X, thị trấn L, huyện A, thành phố Hải Phòng, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/11/2011 cho người được quyền sử dụng là ông Lê Trung T và bà Bùi Thị S. Trên đất có 01 nhà cấp bốn diện tích 95,2m² (chín mươi lăm phẩy hai mét vuông) của ông Lê Trung T, bà Bùi Thị S.

Trong trường hợp việc phát mại tài sản không đủ để trả nợ, Công ty TNHH T phải tiếp tục thanh toán trả đủ các khoản nợ.

2. Về án phí: Công ty TNHH T phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37,777,000đ (ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Trả lại cho ngân hàng LV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18,437,000đ (mười tám triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tại Biên lai số 0002555 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão.

Đương sự có mặt hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án sơ thẩm, người phải thi hành án (Công ty TNHH T) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về quyền yêu cầu thi hành: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục thi hành án DS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt

